

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Minh Mẫn; 2. Bà Nguyễn Thị Hoài Bão.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Phạm Thị Tường Vy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2024/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09/5/2024, Thông báo thay đổi ngày xét xử số 02/2024/TB-TA ngày 17/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số nhà 01/01 đường số 02, thôn 8, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
(Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 10 đường P, tổ dân phố 1, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2024, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Võ Thị Thu H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 1999 tại UBND thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn thì chung sống tại tổ dân phố 1, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Trong thời gian chung sống, bắt đầu từ

năm 2010 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan niệm sống bất đồng, không có tiếng nói chung, ông S không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc rượu chè, cầm cố tài sản của gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bà không còn tình cảm với ông S nên quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục, bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn S có 04 con chung gồm: cháu Nguyễn Quang Tr – sinh năm 2000 (đã có gia đình riêng), cháu Nguyễn Thị Thu N – sinh năm 2003 (đang học Đại học), cháu Nguyễn Văn Trường V – sinh ngày 27/01/2009, cháu Nguyễn Thị Thủy T – sinh ngày 07/7/2012. Bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và cháu T, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Hiện bà làm nghề thu gom rác, buôn bán nhôm nhựa, thu nhập bình quân 400.000 đồng – 500.000 đồng/ngày, đủ khả năng nuôi cả 02 con cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông và bà Võ Thị Thu H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 1999 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện C. Trong thời gian chung sống vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ có cãi vã vì vấn đề công ăn việc làm, vấn đề kinh tế trong gia đình nhưng không có vấn đề bạo lực gia đình. Trước đây ông S có uống rượu và thỉnh thoảng có chơi bài nhưng hiện tại đã sửa đổi. Chỉ có một lần vào trước tết âm lịch 2024 do hiểu lầm nên ông S và bà H có cãi vã, ông S không kiềm chế được bản thân nên có đánh bà H. Tuy nhiên, ông S vẫn còn tình cảm với bà H, không mong muốn gia đình đổ vỡ ảnh hưởng đến con cái nên ông S không đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Hai con là Nguyễn Quang Tr – sinh năm 2000, Nguyễn Thị Thu N – sinh năm 2003 đã trưởng thành khỏe mạnh; còn cháu Nguyễn Văn Trường V – sinh ngày 27/01/2009 và cháu Nguyễn Thị Thủy T – sinh ngày 07/7/2012 muốn ở với ai do con quyết định. Nếu Tòa án giải quyết cho bà H ly hôn với ông thì ông S có nguyện vọng nuôi cháu V. Hiện ông S làm nghề nông, thu nhập hàng ngày bình quân 200.000 đồng/ngày.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu H, bà Võ Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Văn S. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Văn Trường V – sinh ngày 27/01/2009, cháu Nguyễn Thị Thủy T – sinh ngày 07/7/2012 cho bà Võ Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Bà Võ Thị Thu H không yêu cầu ông Nguyễn Văn S cấp dưỡng nuôi con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với bị đơn có nơi cư trú tại tổ dân phố 1, thị trấn Q, huyện CưM'gar, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn Nguyễn Văn S vắng mặt không có lý do, nguyên đơn Võ Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 1999 tại UBND thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, bà H và ông S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng, ông S không lo làm ăn, rượu chè, cờ bạc nên vợ chồng hay cãi vã, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng bà H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông S. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà H và ông S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Văn S có 04 con chung gồm: cháu Nguyễn Quang Tr – sinh năm 2000, cháu Nguyễn Thị Thu N – sinh năm 2003, cháu Nguyễn Văn Trường V – sinh ngày 27/01/2009, cháu Nguyễn Thị Thủy T – sinh ngày 07/7/2012. Hai cháu Tr và N đã trưởng thành, còn cháu V và cháu T thì bà

H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, ông S có nguyện vọng nuôi cháu V cho đến khi đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại hai cháu V và Tiên đang ở cùng bà H và đi học tại thành phố B, hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ, thu nhập của bà H bình quân 400.000 đồng – 500.000 đồng/ngày, đủ khả năng nuôi cả 02 con cho đến khi đủ 18 tuổi. Do đó, để đảm bảo sự ổn định về nơi ở, học tập, điều kiện chăm sóc tốt nhất cho các con thì cần thiết giao cháu V và cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên ông S không phải cấp dưỡng nuôi con cho bà H.

[3.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Bà Võ Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 đồng. Ông Nguyễn Văn S không phải chịu án phí.

Vì các lý do trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.
2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Văn Trường V – sinh ngày 27/01/2009, cháu Nguyễn Thị Thủy T – sinh ngày 07/7/2012 cho bà Võ Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Võ Thị Thu H.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Võ Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu số AA/2021/0014939 ngày 04/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện CưM'gar
- THADS huyện CưM'gar
- UBND TT. Q
- Nguyên đơn; bị đơn
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thiên Lý